

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẢNG
CÁT LÁI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI
DN: E=tuyenpham5185@gmail.com,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0305168938, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI, O=CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI, L="Đường Nguyễn Thị
Định, Phường Cát Lái, Thành Phố Thủ Đức,
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam", S=TP
Hồ Chí Minh, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025-02-27 10:18:47

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305168938 ngày 27 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 11 lần cấp bổ sung giấy chứng nhận thay đổi đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi địa chỉ Công ty, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 vào ngày 29 tháng 3 năm 2024 do thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 0283 7 423 499 – 0283 7 423 501 – 0283 7 423 502
- Fax : 0283 7 423 500
- Email : info@catlaiport.com.vn
- Website : www.catlaiport.com.vn

Địa chỉ giao dịch : Số 50 Nguyễn Văn Kinh, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Phương Nam	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2024
Ông Tạ Cao Thái	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Châu Bảo	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Huỳnh Mai	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Chí Đăng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Hiếu Đạo	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Hoàng Đức Thịnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đỗ Thanh Thành	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Hải Nam	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thị Đoan Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Chí Đăng	Giám đốc	Ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Hiếu Đạo	Phó Giám đốc	Ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Hoàng Minh Thảo	Phó Giám đốc	Ngày 03 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Việt Trường	Kế toán trưởng	Ngày 29 tháng 11 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Chí Đăng – Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Lê Chí Đăng

Ngày 19 tháng 02 năm 2025

Số: 2.0072/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái và Công ty con (sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 19 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		402.904.884.447	385.962.838.236
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	99.462.233.680	234.879.103.936
1. Tiền	111		39.314.813.680	36.772.811.670
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.147.420.000	198.106.292.266
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		185.000.000.000	85.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	185.000.000.000	85.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.695.529.214	58.765.209.483
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	86.488.134.879	47.101.566.173
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	13.608.410.952	574.161.817
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	14.396.552.214	12.306.056.512
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.797.568.831)	(1.216.575.019)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.530.675.211	5.185.890.519
1. Hàng tồn kho	141	V.7	5.530.675.211	5.185.890.519
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.216.446.342	2.132.634.298
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.617.337.828	1.147.729.107
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		599.108.514	726.585.607
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	258.319.584
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		278.806.079.224	289.139.154.288
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		84.750.000	188.800.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	84.750.000	188.800.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		173.120.788.511	196.321.809.256
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	98.137.531.503	119.751.920.850
Nguyên giá	222		596.474.519.660	616.379.016.778
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(498.336.988.157)	(496.627.095.928)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	74.983.257.008	76.569.888.406
Nguyên giá	228		101.601.504.441	101.601.504.441
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.618.247.433)	(25.031.616.035)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.304.512.479	3.911.703.759
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.304.512.479	3.911.703.759
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		85.997.956.139	85.806.525.882
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	85.376.665.745	85.185.235.488
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.258.600.000	2.258.600.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(1.637.309.606)	(1.637.309.606)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.298.072.095	2.910.315.391
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	18.298.072.095	2.910.315.391
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		681.710.963.671	675.101.992.524

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		58.090.148.016	56.370.722.240
I. Nợ ngắn hạn	310		55.914.948.016	56.370.722.240
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	30.799.851.289	32.095.683.900
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.727.590.581	7.383.867.458
4. Phải trả người lao động	314		5.754.259.325	4.558.407.795
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	595.170.861	1.322.254.484
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	7.732.560.931	8.330.578.108
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	543.800.000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	2.761.715.029	2.679.930.495
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.175.200.000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	2.175.200.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		623.620.815.655	618.731.270.284
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	623.620.815.655	618.731.270.284
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		340.000.000.000	340.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		340.000.000.000	340.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60.123.448.000	60.123.448.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		103.623.271.921	103.623.271.921
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		100.583.614.486	96.754.375.918
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.004.993.755	96.754.375.918
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		92.578.620.731	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		19.290.481.248	18.230.174.445
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		681.710.963.671	675.101.992.524

Người lập biểu

Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Viết Trường

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Giám đốc



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	322.588.699.271	306.291.069.080
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		322.588.699.271	306.291.069.080
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	183.094.099.953	176.147.116.725
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		139.494.599.318	130.143.952.355
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.178.573.410	10.184.298.369
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	35.965.293	1.637.360.822
Trong đó: chi phí lãi vay	23		35.965.293	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		6.204.984.752	6.013.554.495
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.108.620.560	1.750.327.065
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	32.068.007.840	24.819.714.449
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		121.665.563.787	118.134.402.884
12. Thu nhập khác	31	VI.7	4.272.752.343	3.366.466.379
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.810.018.939	262.313.728
14. Lợi nhuận khác	40		2.462.733.404	3.104.152.651
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		124.128.297.191	121.238.555.535
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	24.973.155.123	22.738.267.784
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		99.155.142.068	98.500.287.751
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		97.374.835.265	96.847.450.473
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	V.18	1.780.306.803	1.652.837.278
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.723	2.701
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	2.723	2.701

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Viết Trường



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		124.128.297.192	121.238.555.535
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	28.827.491.698	35.645.217.698
- Các khoản dự phòng	03	V.6	3.580.993.812	1.850.450.183
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(2.507.532)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.301.141.523)	(19.267.744.692)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	35.965.293	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		137.271.606.472	139.463.971.192
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(46.398.973.400)	2.395.745.155
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(344.784.692)	(4.103.086.519)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.794.066.215)	(491.484.422)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.182.342.749)	617.271.355
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(32.925.973)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(23.672.197.086)	(21.905.697.558)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	4.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(5.067.812.163)	(4.928.409.706)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		55.782.504.193	111.048.309.497
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(21.725.798.445)	(4.831.165.800)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5.401.581.282	2.263.379.712
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(275.000.000.000)	(105.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		175.000.000.000	109.409.653.155
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.117.132.614	15.044.266.605
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(104.207.084.549)	16.886.133.672

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16b	2.719.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(89.711.289.900)	(123.858.772.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(86.992.289.900)	(123.858.772.240)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(135.416.870.256)	4.075.670.929
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	234.879.103.936	230.800.925.475
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	2.507.532
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	99.462.233.680	234.879.103.936

Người lập biểu

Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Viết Trường

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Giám đốc



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê cảng biển, cho thuê thiết bị xếp dỡ, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong năm, Nhóm Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái có trụ sở chính tại 43 đường số N2, khu dân cư Mega Village, khu Phố 3, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 54,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Nhóm Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Đức Long, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là cho thuê cảng cạn. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Nhóm Công ty tại công ty liên kết này là 20%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 84 nhân viên đang làm việc trong nhóm Công ty (số đầu năm là 85 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Sổ dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đối với khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không phải là tổ chức niêm yết, không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của nhóm Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí bảo hiểm phương tiện. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm phương tiện

Chi phí bảo hiểm phương tiện được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	02 - 06

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	450.230.825	400.245.219
Tiền gửi ngân hàng	38.864.582.855	36.372.566.451
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	60.147.420.000	198.106.292.266
Ngân hàng TMCP Nam Á	50.000.000.000	180.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	10.000.000.000	15.958.872.266
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	147.420.000	147.420.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	2.000.000.000
Cộng	99.462.233.680	234.879.103.936

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số dư cuối năm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 – 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc, lãi suất từ 3,2% đến 4,2%/năm.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty mẹ sở hữu 2.523.400 cổ phần, mệnh giá là 25.234.000.000 VND, tương ứng với 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	78.225.400.000	78.225.400.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	7.151.265.745	6.959.835.488
Cộng	85.376.665.745	85.185.235.488

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu tại công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	85.185.235.488	83.707.440.096
Lợi nhuận trong năm	6.204.984.752	6.013.554.495
Cổ tức được chia trong năm	(6.013.554.495)	(4.535.759.103)
Số cuối năm	<u>85.376.665.745</u>	<u>85.185.235.488</u>

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Trong năm, ngoài giao dịch nhận cổ tức từ Công ty liên kết, Nhóm Công ty không phát sinh các giao dịch nào khác với Công ty liên kết.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh	2.258.600.000	(1.637.309.606)	2.258.600.000	(1.637.309.606)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nhóm Công ty nắm giữ 225.860 cổ phiếu, tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<u>77.604.149.935</u>	<u>40.782.894.076</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	77.458.842.360	39.702.041.701
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	4.266.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	7.938.000	-
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	-	947.748.800
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<u>9.017.088.519</u>	<u>6.451.775.672</u>
Cộng	<u>86.488.134.879</u>	<u>47.101.566.173</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<u>2.358.000.000</u>	<u>555.411.817</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.358.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	-	555.411.817
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<u>11.250.410.952</u>	<u>18.750.000</u>
Công ty TNHH Heavy Transport Nguyên Lợi	6.000.000.000	-
Liebherr-Mcetec Rostock GMBH	4.603.932.000	-
Các nhà cung cấp khác	646.478.952	18.750.000
Cộng	<u>13.608.410.952</u>	<u>574.161.817</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	923.209.570	-	849.796.700	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - thu chi hộ	923.209.570	-	849.796.700	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	13.473.342.644 (3.489.345.554)	11.456.259.812 (17.558.567)		
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.801.336.103	-	2.051.199.779	-
Tạm ứng	1.267.892.162	-	1.739.315.843	-
Các khoản chi hộ	143.045.762 (11.811.925)	-	626.349.377	-
Ký quỹ ký cược	100.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng (*)	6.736.930.124 (3.368.465.062)	-	6.736.930.124	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	424.138.493 (109.068.567)	-	302.464.689 (17.558.567)	-
Cộng	14.396.552.214 (3.489.345.554)	12.306.056.512 (17.558.567)		

(*) Phải thu Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng theo các quyết định của Tòa án liên quan đến vụ việc tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái và hợp đồng gửi giữ hàng hóa giữa Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái, theo đó Công ty phải thu Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng số tiền 6.736.930.124 VND (bao gồm tiền thuê và tiền lãi). Do Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Bản án và các quyết định thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh đã ban hành Quyết định số 67/QĐ-CCTHADS ngày 8/5/2023 về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với Ông Nguyễn Hoàng Hải – Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ký quỹ, ký cược dài hạn	84.750.000	-	188.800.000	-

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng	Từ 1 – 2 năm	6.736.930.124	(3.368.465.062)	-	-	-
Các khách hàng khác	> 03 năm	1.429.103.769	(1.429.103.769)	Từ 6th – trên 3 năm	1.357.593.769	(1.216.575.019)
Cộng		8.166.033.893	(4.797.568.831)		1.357.593.769	(1.216.575.019)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.216.575.019	1.003.434.442
Trích lập dự phòng bổ sung	3.580.993.812	213.140.577
Số cuối năm	4.797.568.831	1.216.575.019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	4.207.217.455	5.185.890.519
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.323.457.756	-
Cộng	<u>5.530.675.211</u>	<u>5.185.890.519</u>

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm phương tiện	319.483.707	274.073.844
Phí sử dụng đường bộ	197.627.900	152.226.264
Chi phí sửa chữa	2.081.410.332	721.428.999
Các chi phí khác	18.815.889	-
Cộng	<u>2.617.337.828</u>	<u>1.147.729.107</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa cầu	3.329.173.138	-
Chi phí sửa chữa hệ thống ray	11.970.854.750	-
Chi phí công cụ dụng cụ	2.951.994.786	2.782.094.926
Các chi phí khác	46.049.421	128.220.465
Cộng	<u>18.298.072.095</u>	<u>2.910.315.391</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁI LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cái Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	195.087.317.394	359.421.314.524	58.754.971.645	1.799.872.937	1.315.540.278	616.379.016.778
Mua trong năm	-	351.979.124	6.602.121.925	99.934.000	-	7.054.035.049
Thanh lý, nhượng bán	-	(18.151.271.569)	(8.807.260.598)	-	-	(26.958.532.167)
Số cuối năm	195.087.317.394	341.622.022.079	56.549.832.972	1.899.806.937	1.315.540.278	596.474.519.660
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.255.215.546	232.449.170.257	-	55.400.545	347.571.500	281.107.357.848
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	118.051.768.260	336.051.057.283	41.262.515.609	755.195.068	506.559.708	496.627.095.928
Khấu hao trong năm	6.901.704.540	13.124.279.672	6.483.162.003	480.900.493	250.813.592	27.240.860.300
Thanh lý, nhượng bán	-	(18.151.271.569)	(7.379.696.502)	-	-	(25.530.968.071)
Số cuối năm	124.953.472.800	331.024.065.386	40.365.981.110	1.236.095.561	757.373.300	498.336.988.157
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	77.035.549.134	23.370.257.241	17.492.456.036	1.044.677.869	808.980.570	119.751.920.850
Số cuối năm	70.133.844.594	10.597.956.693	16.183.851.862	663.711.376	558.166.978	98.137.531.503
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 5.464.917.800 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	101.262.004.441	339.500.000	101.601.504.441
Số cuối năm	101.262.004.441	339.500.000	101.601.504.441
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	339.500.000	339.500.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	24.694.099.349	337.516.686	25.031.616.035
Khấu hao trong năm	1.584.648.084	1.983.314	1.586.631.398
Số cuối năm	26.278.747.433	339.500.000	26.618.247.433
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	76.567.905.092	1.983.314	76.569.888.406
Số cuối năm	74.983.257.008	-	74.983.257.008
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí/ chi phí trả trước	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	124.061.666	-	124.061.666
Xây dựng cơ bản dở dang	553.543.848	-	-	553.543.848
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.358.159.911	9.943.769.730	(12.675.022.676)	626.906.965
<i>Công trình sửa chữa bảo trì hệ thống ray và thiết bị phụ trợ cầu cảng số 7</i>	<i>3.358.159.911</i>	<i>9.316.862.765</i>	<i>(12.675.022.676)</i>	<i>-</i>
Các công trình khác	-	626.906.965	-	626.906.965
Cộng	3.911.703.759	10.067.831.396	(12.675.022.676)	1.304.512.479

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	12.441.928.717	17.488.983.092
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	38.400.487	16.143.301
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	868.227.638	1.441.310.050
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	636.448.106	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	50.300.000	-
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	14.580.000	-
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	223.383.000	189.313.200
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	-	193.480.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Miền Bắc	-	267.192.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng	10.446.413.486	15.381.544.541
Hồng Ngọc Phú Quốc		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	164.176.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	18.357.922.572	14.606.700.808
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Hồng Lĩnh	2.044.326.721	1.049.376.088
Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck	571.088.200	3.021.634.346
Hệ kinh doanh Sơn Tuyền	6.932.687.790	6.992.799.940
Các nhà cung cấp khác	8.809.819.861	3.542.890.434
Cộng	30.799.851.289	32.095.683.900

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	458.427.361	-	16.996.355.984	(16.709.156.687)	745.626.658
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.151.298.238	-	24.973.155.123	(23.672.197.086)	6.452.256.275
Thuế thu nhập cá nhân	1.774.141.859	-	2.148.803.438	(3.393.237.649)	529.707.648
Thuế nhà đất	-	-	15.499.175	(15.499.175)	-
Tiền thuê đất	-	258.319.584	861.065.280	(602.745.696)	-
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	7.383.867.458	258.319.584	45.000.879.000	(44.398.836.293)	7.727.590.581

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Cung cấp nước sạch	5%
Các dịch vụ khác	8% - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Các Công ty trong Nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Theo thông báo nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm số 7512/TB-CCTPTĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 tiền thuê đất phải nộp năm 2024 cho diện tích 59.796,2 m² tại phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức với mục đích sử dụng là hoạt động dịch vụ tàu biển là 861.065.280 VND.

Các loại thuế khác

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>197.499.260</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc - Chi phí vận chuyển	197.499.260	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>397.671.601</i>	<i>1.322.254.484</i>
Chi phí lãi vay	3.039.320	-
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	386.317.929	1.020.317.217
Chi phí tiền điện	8.314.352	301.937.267
Cộng	595.170.861	1.322.254.484

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>341.765.000</i>	<i>5.800.000</i>
Thù lao HĐQT, BKS	162.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc - Thu chi hộ	173.965.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái - Chi phí vận chuyển	5.800.000	5.800.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>7.390.795.931</i>	<i>8.324.778.108</i>
Kinh phí công đoàn	38.209.244	35.291.786
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	4.128.734	9.596.940
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	566.550.000	582.590.000
Cổ tức phải trả	5.626.596.635	6.217.886.535
Các khoản chi hộ phải trả	1.133.257.286	1.458.122.847
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	22.054.032	21.290.000
Cộng	7.732.560.931	8.330.578.108

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

Là khoản vay dài hạn đến hạn trả tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Xem thuyết minh V.16b).

Nhóm Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn đến hạn trả.

16b. Vay dài hạn

Là khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 10 năm 2024 để đầu tư các tài sản cố định là 5 xe đầu kéo, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất các khoản vay là 6,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Nhóm Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	543.800.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	2.175.200.000	-
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>2.719.000.000</u>	<u>-</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Số tiền vay phát sinh	2.719.000.000	-
Số tiền vay đã trả	-	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(543.800.000)	-
Số cuối năm	<u>2.175.200.000</u>	<u>-</u>

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.991.802.906	4.000.000	3.836.971.627	(3.552.000.000)	2.280.774.533
Quỹ phúc lợi	683.267.707	-	959.242.907	(1.166.430.000)	476.080.614
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.859.882	-	349.382.163	(349.382.163)	4.859.882
Cộng	<u>2.679.930.495</u>	<u>4.000.000</u>	<u>5.145.596.697</u>	<u>(5.067.812.163)</u>	<u>2.761.715.029</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
<i>Năm trước</i>						
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	130.010.680.692	16.617.337.167	650.374.737.780
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	96.847.450.473	1.652.837.278	98.500.287.751
Chia cổ tức	-	-	-	(125.120.000.000)	(40.000.000)	(125.160.000.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(313.409.706)	-	(313.409.706)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận trong năm	-	-	-	(4.670.345.541)	-	(4.670.345.541)
Số dư cuối năm	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	96.754.375.918	18.230.174.445	618.731.270.284
<i>Năm nay</i>						
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	96.754.375.918	18.230.174.445	618.731.270.284
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	97.374.835.265	1.780.306.803	99.155.142.068
Chia cổ tức	-	-	-	(88.400.000.000)	(720.000.000)	(89.120.000.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(349.382.163)	-	(349.382.163)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận trong năm	-	-	-	(4.796.214.534)	-	(4.796.214.534)
Số dư cuối năm	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	100.583.614.486	19.290.481.248	623.620.815.655

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	162.149.200.000	162.149.200.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	87.161.700.000	87.161.700.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	74.987.500.000	74.987.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	177.850.800.000	177.850.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	60.123.448.000	60.123.448.000
Cộng	400.123.448.000	400.123.448.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.000.000	34.000.000

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 19/NQ-ĐHĐCĐ/CLL ngày 03 tháng 6 năm 2024 như sau:

Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023	VND
• Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	: 349.382.163
• Chia cổ tức	: 88.400.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024	
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)	: 4.796.214.534

Công ty con đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ/CIL ngày 26 tháng 6 năm 2024 như sau:

Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023	VND
• Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	: 720.000.000

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 3.701,88 USD (số đầu năm là 3.660,16 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển	153.000.000.000	150.000.000.000
Doanh thu dịch vụ vận tải	131.055.558.684	119.643.811.381
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	23.800.483.512	25.053.140.539
Doanh thu bán hàng hóa	588.282.710	-
Doanh thu dịch vụ khác	14.144.374.365	11.594.117.160
Cộng	322.588.699.271	306.291.069.080

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Nhóm Công ty phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển	153.000.000.000	150.000.000.000
Doanh thu dịch vụ vận tải	156.225.587.315	111.726.380.508
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	23.800.483.512	25.053.140.539
Doanh thu dịch vụ khác	6.645.034.365	11.594.117.160
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	473.420.000	1.081.990.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	93.390.000	889.120.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	-	121.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng	-	584.100.000
Hồng Ngọc Phú Quốc	-	118.972.730
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân cảng - Đồng Nai	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	3.950.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	7.350.000	-

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cho thuê cảng biển	22.838.155.861	29.683.064.895
Giá vốn dịch vụ vận tải	124.378.623.270	114.115.301.624
Giá vốn dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	20.949.146.670	22.295.789.242
Giá vốn hàng hóa đã bán	576.822.039	-
Giá vốn dịch vụ khác	14.351.352.113	10.052.960.964
Cộng	183.094.099.953	176.147.116.725

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.136.414.615	10.181.790.837
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	42.158.795	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.507.532
Cộng	9.178.573.410	10.184.298.369

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	35.965.293	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	51.216
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	1.637.309.606
Cộng	35.965.293	1.637.360.822

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	720.954.000	925.464.000
Các chi phí khác	387.666.560	824.863.065
Cộng	1.108.620.560	1.750.327.065

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	15.483.246.903	12.899.472.105
Chi phí vật liệu quản lý	125.633.778	223.631.815
Chi phí đồ dùng văn phòng	458.937.833	328.629.923
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.979.579.510	1.918.454.772
Thuế, phí và lệ phí	26.684.175	36.424.907
Dự phòng phải thu khó đòi	3.580.993.812	213.140.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.965.070.596	3.143.717.923
Các chi phí khác	6.447.861.233	6.056.242.427
Cộng	32.068.007.840	24.819.714.449

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.242.442.328	3.072.399.360
Tiền bán phế liệu, vật tư đã qua sử dụng	30.310.000	-
Thu từ thi hành án tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	294.066.047
Thu nhập khác	15	972
Cộng	4.272.752.343	3.366.466.379

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính và thuế bị phạt, truy thu	219.658.000	38.896.871
Chi phí ủng hộ	71.712.690	184.800.000
Chi phí phải trả về thi hành án Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	1.518.466.400	-
Chi phí khác	-	38.616.857
Cộng	1.810.018.939	262.313.728

- (*) Theo bản án phúc thẩm số 132/2024/KD'TM-PT ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến vụ việc tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái, Công ty phải trả cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số tiền 1.452.880.000 VND (bao gồm tiền phân chia doanh thu 13 tháng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán) và phải chịu án phí, số tiền 55.586.400 VND.

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	97.374.835.265	96.847.450.473
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty mẹ (*)	(4.796.214.534)	(4.670.345.541)
Quỹ khen thưởng ban điều hành Công ty mẹ	-	(349.382.163)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	92.578.620.731	91.827.722.769
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	34.000.000	34.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.723	2.701

(*) Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ này, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành được tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 19/NQ-ĐHĐCĐ/CLL ngày 03 tháng 6 năm 2024.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại giảm từ 2.711 VND xuống còn 2.701 VND do trừ số trích quỹ thưởng Ban điều hành khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.558.593.596	22.971.262.446
Chi phí nhân công	30.912.670.597	30.014.275.616
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.827.491.698	35.645.217.698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.957.131.134	98.343.872.907
Chi phí khác	19.438.019.289	15.742.529.572
Cộng	215.693.906.314	202.717.158.239

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	150.000.000.000	150.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	600.000.000.000	750.000.000.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	750.000.000.000	900.000.000.000

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 153.000.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 150.000.000.000 VND).

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trong năm (năm trước Nhóm Công ty chỉ phát sinh giao dịch tạm ứng và hoàn ứng cho ông Phạm Hiếu Đạo – Ủy viên HĐQT/Phó Giám đốc với số tiền 40.000.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ tên - Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
<i>Năm nay</i>				
Ông Nguyễn Thành Sơn - Chủ tịch HĐQT (từ 03/06/2024)	816.750.000	15.500.000	-	832.250.000
Ông Nguyễn Phương Nam - Chủ tịch HĐQT (đến 03/06/2024)	-	53.676.031	50.700.000	104.376.031
Ông Tạ Cao Thái - Phó Chủ tịch HĐQT	-	27.434.416	120.000.000	147.434.416
Ông Nguyễn Châu Bảo - Thành viên HĐQT	-	43.916.752	72.000.000	115.916.752
Bà Nguyễn Huỳnh Mai - Thành viên HĐQT	-	43.916.752	72.000.000	115.916.752
Ông Lê Chí Đăng - Thành viên HĐQT /Giám đốc	1.229.055.921	74.796.391	72.000.000	1.375.852.312
Ông Phạm Hiếu Đạo - Thành viên HĐQT /Phó Giám đốc	946.066.586	74.796.391	108.000.000	1.128.862.977
Ông Hoàng Đức Thịnh - Thành viên HĐQT	-	22.446.340	72.000.000	94.446.340
Ông Đỗ Thanh Thành - Trưởng BKS	-	-	60.000.000	60.000.000
Bà Lê Thị Đoan Trang - TV BKS	-	-	54.000.000	54.000.000
Ông Lê Hải Nam - TV BKS	-	-	54.000.000	54.000.000
Ông Hoàng Minh Thảo - Phó Giám đốc (từ 03/6/2024)	622.641.105	15.500.000	-	638.141.105
Ông Nguyễn Việt Trường - Kế toán trưởng	840.497.430	60.157.475	24.000.000	924.654.905
Cộng	4.455.011.042	432.140.548	758.700.000	5.645.851.590

Năm trước

Ông Nguyễn Phương Nam - Chủ tịch HĐQT	-	51.455.325	120.000.000	171.455.325
Ông Lê Thành Khoa - Phó Chủ tịch HĐQT (đến 27/6/2023)	-	51.455.325	58.666.667	110.121.992
Ông Tạ Cao Thái - Phó Chủ tịch HĐQT (từ 27/6/2023)	-	-	87.733.333	87.733.333
Ông Hoàng Đức Thịnh - Thành viên HĐQT (từ 27/6/2023)	-	-	36.800.000	36.800.000
Ông Nguyễn Châu Bảo - Thành viên HĐQT	-	42.099.811	72.000.000	114.099.811
Bà Nguyễn Huỳnh Mai - Thành viên HĐQT	-	42.099.811	72.000.000	114.099.811
Ông Lê Chí Đăng - Thành viên HĐQT /Giám đốc	1.091.415.855	72.777.568	72.000.000	1.236.193.423
Ông Phạm Hiếu Đạo - Thành viên HĐQT / Phó Giám đốc	834.399.231	72.777.568	108.000.000	1015.176.799
Ông Đỗ Thanh Thành - Trưởng BKS	-	-	60.000.000	60.000.000
Bà Lê Thị Đoan Trang - TV BKS	-	-	27.600.000	27.600.000
Ông Lê Hải Nam - TV BKS	-	-	54.000.000	54.000.000
Ông Nguyễn Việt Trường - Kế toán trưởng	744.895.717	58.744.298	24.000.000	827.640.015
Cộng	2.670.710.803	391.409.706	792.800.000	3.854.920.509

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Nhóm Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Miền Bắc	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân cảng - Đồng Nai	Bên liên quan của cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức cho các bên liên quan:		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	22.662.042.000	32.075.505.600
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	3.217.500.000	4.554.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	19.496.750.000	27.595.400.000
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan:		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	219.664.768	111.396.713
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	11.126.029.093	2.902.465.116
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.124.547.523	21.509.543.153
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	74.390.000	219.861.616
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	42.593.000	175.290.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	46.574.074	21.881.818
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	9.685.185	81.843.181
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	27.687.963	249.533.334
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Miền Bắc	-	247.400.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	13.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	43.041.291.036	43.980.010.886
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân cảng - Đồng Nai	114.400.000	146.318.180

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NIẾT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.12, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ nhóm Công ty cung cấp.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê cảng biển và dịch vụ phụ trợ
- Lĩnh vực dịch vụ vận tải

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển và dịch vụ phụ trợ	Lĩnh vực dịch vụ vận tải	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	190.824.857.877	131.763.841.394	322.588.699.271
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	190.824.857.877	131.763.841.394	322.588.699.271
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	132.806.203.233	6.688.396.085	139.494.599.318
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(33.143.311.163)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			106.352.328.155
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			6.204.984.752
Doanh thu hoạt động tài chính			9.178.573.410
Chi phí tài chính			(35.965.293)
Thu nhập khác			4.272.752.343
Chi phí khác			(1.810.018.939)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(24.973.155.123)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			99.155.142.068
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	17.565.833.319	9.526.700.442	27.092.533.761
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	20.367.117.476	13.111.116.227	33.478.233.703

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển và dịch vụ phụ trợ	Lĩnh vực dịch vụ vận tải	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	186.647.257.699	119.643.811.381	306.291.069.080
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	186.647.257.699	119.643.811.381	306.291.069.080
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	124.615.442.598	5.528.509.757	130.143.952.355
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(26.570.041.514)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			103.573.910.842
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			6.013.554.495
Doanh thu hoạt động tài chính			10.184.298.369
Chi phí tài chính			(1.637.360.822)
Thu nhập khác			3.366.466.379
Chi phí khác			(262.313.728)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(22.738.267.784)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			98.500.287.751
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.442.916.457	-	5.442.916.457
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	28.171.229.828	7.473.987.870	35.645.217.698

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển và dịch vụ phụ trợ	Lĩnh vực dịch vụ vận tải	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	606.362.586.666	75.348.377.005	681.710.963.671
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng tài sản			681.710.963.671
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	24.939.698.739	33.150.449.277	58.090.148.016
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng nợ phải trả			58.090.148.016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bầu thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển và dịch vụ phụ trợ	Lĩnh vực dịch vụ vận tải	Cộng
Số đầu năm	156.426.543.565	60.276.609.807	216.703.153.372
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận			458.398.839.152
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>675.101.992.524</u>
Tổng tài sản			<u>216.703.153.372</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.797.989.293	31.565.189.264	37.363.178.557
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			19.007.543.689
Tổng nợ phải trả			<u>56.370.722.240</u>

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của nhóm Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực nội địa.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Viết Trường

Giám đốc



Lê Chí Đăng



CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE FISCAL YEAR ENDED 31 DECEMBER 2024

CAT LAI PORT
JOINT STOCK COMPANY

CONTENTS

	Page
1. Contents	1
2. Statement of the Board of Management	2 - 3
3. Independent Auditor's Report	4 - 5
4. Consolidated Balance Sheet as at 31 December 2024	6 - 9
5. Consolidated Income Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	10
6. Consolidated Cash Flow Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	11 - 12
7. Notes to the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024	13 - 39

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Cat Lai Port Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") presents this statement together with the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 including the Financial Statements of the Company and its subsidiary (hereinafter collectively referred to as "the Group").

Business highlights

Cat Lai Port Joint Stock Company operates in accordance with the 1st Business Registration Certificate No. 0305168938 dated 27 August 2007 granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City.

During the operation course, the Company has been 11 times additionally granted with the amended Business Registration Certificates regarding the supplement of principal activities, charter capital, the changes in the Company's legal representative and address, in which the 11th amended Business Registration Certificate dated 29 March 2024 was due to the change in the Company's legal representative.

Head office

- Address : Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Tel. : 0283 7 423 499 – 0283 7 423 501 – 0283 7 423 502
- Fax : 0283 7 423 500
- Email : info@catlaiport.com.vn
- Website : www.catlaiport.com.vn

Business address: No. 50 Nguyen Van Kinh, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

The principal business activities of the Company are shipping agency services, sea transport agency services, maritime brokerage services, shipping towage services, cargo loading and unloading services at seaports, trading international multimodal transport services.

Board of Directors, Board of Supervisors and Executive Officers

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the Board of Management and the Chief Accountant of the Company during the year and as of the date of this statement include:

Board of Directors

Full name	Position	Appointing date/re-appointing date/resigning date
Mr. Nguyen Thanh Son	Chairman	Appointed on 03 June 2024
Mr. Nguyen Phuong Nam	Chairman	Resigned on 03 June 2024
Mr. Ta Cao Thai	Vice Chairman	Appointed on 27 June 2023
Mr. Nguyen Chau Bao	Member	Re-appointed on 27 June 2023
Ms. Nguyen Huynh Mai	Member	Re-appointed on 27 June 2023
Mr. Le Chi Dang	Member	Re-appointed on 27 June 2023
Mr. Pham Hieu Dao	Member	Re-appointed on 27 June 2023
Mr. Hoang Duc Thinh	Member	Appointed on 27 June 2023

Board of Supervisors

Full name	Position	Appointing date/re-appointing date
Mr. Do Thanh Thanh	Head of BOS	Re-appointed on 27 June 2023
Mr. Le Hai Nam	Member	Re-appointed on 27 June 2023
Ms. Le Thi Doan Trang	Member	Appointed on 27 June 2023

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY
STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (cont.)

Board of Management and Chief Accountant

Full name	Position	Appointing date
Mr. Le Chi Dang	Director	19 April 2019
Mr. Pham Hieu Dao	Deputy Director	19 April 2019
Mr. Hoang Minh Thao	Deputy Director	03 June 2024
Mr. Nguyen Viet Truong	Chief Accountant	29 November 2019

Legal representative

The legal representative of the Company during the year and as of the date of this statement is Mr. Le Chi Dang – Director (appointed on 19 April 2019).

Auditor

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to perform the audit on the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 of the Group.

Responsibilities of the Board of Management

The Company's Board of Management is responsible for the preparation of the Consolidated Financial Statements to give a true and fair view on the consolidated financial position, the consolidated financial performance and the consolidated cash flows of the Group during the year. In order to prepare these Consolidated Financial Statements, the Board of Management must:

- select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- make judgments and estimates reasonably and prudently;
- state clearly whether the accounting standards applied to the Group are followed or not, and all the material differences from these standards are disclosed and explained in the Consolidated Financial Statements;
- prepare the Consolidated Financial Statements of the Group on the going-concern basis, except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate;
- design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to frauds or errors in the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements.

The Board of Management hereby ensures that all the proper accounting books of the Group have been fully recorded and can fairly reflect the financial position of the Group at any time, and that all the accounting books have been prepared in compliance with the applicable Accounting System. The Board of Management is also responsible for managing the Group's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Board of Management hereby commits to the compliance with the aforementioned requirements in preparation of the Consolidated Financial Statements.

Approval on the Financial Statements

The Company's Board of Management hereby approves the accompanying Consolidated Financial Statements, which give a true and fair view of the consolidated financial position as at 31 December 2024, the consolidated financial performance and the consolidated cash flows for the fiscal year then ended of the Group in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

For and on behalf of the Board of Management,

Director

CÔNG TY

CỔ PHẦN

CẢNG CÁT LẠI

TP. THỦ ĐỨC

TP. HỒ CHÍ MINH

Le Chi Dang

19 February 2025

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch in Ha Noi : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Ha Noi City, Vietnam

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam

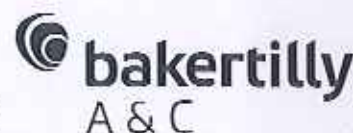
Branch in Can Tho : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

No. 2.0072/25/TC-AC

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF DIRECTORS AND THE BOARD OF MANAGEMENT CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

We have audited the accompanying Consolidated Financial Statements of Cat Lai Port Joint Stock Company and its subsidiary (hereinafter referred to as "the Group"), which were prepared on 19 February 2025, from page 06 to page 39, including the Consolidated Balance Sheet as at 31 December 2024, the Consolidated Income Statement, the Consolidated Cash Flow Statement for the fiscal year then ended and the Notes to the Consolidated Financial Statements.

Responsibility of the Board of Management

The Company's Board of Management is responsible for the preparation, true and fair presentation of the Group's Consolidated Financial Statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements; and responsible for the internal control as the Board of Management determines necessary to enable the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements to be free from material misstatement due to fraud or error.

Responsibility of Auditors

Our responsibility is to express an opinion on the Consolidated Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with the Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical standards and requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Group's Consolidated Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Consolidated Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Consolidated Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Group's preparation and true and fair presentation of the Consolidated Financial Statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Group's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the Consolidated Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion of Auditors

In our opinion, the Consolidated Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position as at 31 December 2024 of Cat Lai Port Joint Stock Company and its subsidiary, its consolidated financial performance and its consolidated cash flows for the fiscal year then ended in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

Other matter

The Auditor's Report on the Group's Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 is prepared in Vietnamese and English. Should there be any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall take precedence.

For and on behalf of

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.



Nguyen Hoang Duc – Partner

Audit Practice Registration Certificate:

No. 0368-2023-008-1

Authorized signatory

Hanoi, 19 February 2025

Vu Tuan Nghia – Auditor

Audit Practice Registration Certificate:

No. 4028-2022-008-1

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As at 31 December 2024

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		402,904,884,447	385,962,838,236
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	99,462,233,680	234,879,103,936
1. Cash	111		39,314,813,680	36,772,811,670
2. Cash equivalents	112		60,147,420,000	198,106,292,266
II. Short-term financial investments	120		185,000,000,000	85,000,000,000
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for the diminution in value of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123	V.2a	185,000,000,000	85,000,000,000
III. Short-term receivables	130		109,695,529,214	58,765,209,483
1. Short-term trade receivables	131	V.3	86,488,134,879	47,101,566,173
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	13,608,410,952	574,161,817
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables based on the progress of construction contracts	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135		-	-
6. Other short-term receivables	136	V.5a	14,396,552,214	12,306,056,512
7. Allowance for short-term doubtful debts	137	V.6	(4,797,568,831)	(1,216,575,019)
8. Deficit assets for treatment	139		-	-
IV. Inventories	140		5,530,675,211	5,185,890,519
1. Inventories	141	V.7	5,530,675,211	5,185,890,519
2. Allowance for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		3,216,446,342	2,132,634,298
1. Short-term prepaid expenses	151	V.8a	2,617,337,828	1,147,729,107
2. Deductible VAT	152		599,108,514	726,585,607
3. Taxes and other receivables from the State	153	V.13	-	258,319,584
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Consolidated Balance Sheet (cont.)

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B - NON-CURRENT ASSETS	200		278,806,079,224	289,139,154,288
I. Long-term receivables	210		84,750,000	188,800,000
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivables	214		-	-
5. Receivables for long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216	V.5b	84,750,000	188,800,000
7. Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
II. Fixed assets	220		173,120,788,511	196,321,809,256
1. Tangible fixed assets	221	V.9	98,137,531,503	119,751,920,850
<i>Historical costs</i>	222		596,474,519,660	616,379,016,778
<i>Accumulated depreciation</i>	223		(498,336,988,157)	(496,627,095,928)
2. Financial leased assets	224		-	-
<i>Historical costs</i>	225		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227	V.10	74,983,257,008	76,569,888,406
<i>Historical costs</i>	228		101,601,504,441	101,601,504,441
<i>Accumulated amortization</i>	229		(26,618,247,433)	(25,031,616,035)
III. Investment properties	230		-	-
<i>Historical costs</i>	231		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	232		-	-
IV. Long-term assets in progress	240		1,304,512,479	3,911,703,759
1. Long-term work in progress	241		-	-
2. Construction-in-progress	242	V.11	1,304,512,479	3,911,703,759
V. Long-term financial investments	250		85,997,956,139	85,806,525,882
1. Investments in subsidiaries	251		-	-
2. Investments in joint ventures and associates	252	V.2b	85,376,665,745	85,185,235,488
3. Investments in other entities	253	V.2c	2,258,600,000	2,258,600,000
4. Provisions for the diminution in value of long-term financial investments	254	V.2c	(1,637,309,606)	(1,637,309,606)
5. Held-to-maturity investments	255		-	-
VI. Other non-current assets	260		18,298,072,095	2,910,315,391
1. Long-term prepaid expenses	261	V.8b	18,298,072,095	2,910,315,391
2. Deferred income tax assets	262		-	-
3. Long-term components and spare parts	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
5. Goodwill	269		-	-
TOTAL ASSETS	270		681,710,963,671	675,101,992,524

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Consolidated Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		58,090,148,016	56,370,722,240
I. Current liabilities	310		55,914,948,016	56,370,722,240
1. Short-term trade payables	311	V.12	30,799,851,289	32,095,683,900
2. Short-term advances from customers	312		-	-
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.13	7,727,590,581	7,383,867,458
4. Payables to employees	314		5,754,259,325	4,558,407,795
5. Short-term accrued expenses	315	V.14	595,170,861	1,322,254,484
6. Short-term inter-company payables	316		-	-
7. Payables based on the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.15	7,732,560,931	8,330,578,108
10. Short-term borrowings and financial leases	320	V.16a	543,800,000	-
11. Short-term provisions	321		-	-
12. Bonus and welfare funds	322	V.17	2,761,715,029	2,679,930,495
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
II. Non-current liabilities	330		2,175,200,000	-
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337		-	-
8. Long-term borrowings and financial leases	338	V.16b	2,175,200,000	-
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liabilities	341		-	-
12. Long-term provisions	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Consolidated Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNER'S EQUITY	400		623,620,815,655	618,731,270,284
I. Owner's equity	410	V.18	623,620,815,655	618,731,270,284
1. Owner's contribution capital	411		340,000,000,000	340,000,000,000
- Ordinary shares carrying voting right	411a		340,000,000,000	340,000,000,000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		60,123,448,000	60,123,448,000
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		-	-
5. Treasury shares	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		103,623,271,921	103,623,271,921
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421		100,583,614,486	96,754,375,918
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421a		8,004,993,755	96,754,375,918
- Retained earnings of the current period	421b		92,578,620,731	-
12. Construction investment fund	422		-	-
13. Non-controlling interests	429		19,290,481,248	18,230,174,445
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL RESOURCES	440		681,710,963,671	675,101,992,524

Prepared by



Vo Thai Hau

Chief Accountant



Nguyen Viet Truong

Prepared on 19 February 2025

Director



Le Chi Dang

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services	01	VI.1	322,588,699,271	306,291,069,080
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenue from sales of merchandise and rendering of services	10		322,588,699,271	306,291,069,080
4. Costs of sales	11	VI.2	183,094,099,953	176,147,116,725
5. Gross profit/ (loss) from sales of merchandise and rendering of services	20		139,494,599,318	130,143,952,355
6. Financial income	21	VI.3	9,178,573,410	10,184,298,369
7. Financial expenses	22	VI.4	35,965,293	1,637,360,822
In which: Interest expenses	23		35,965,293	-
8. Profit/ (loss) in joint ventures, associates	24		6,204,984,752	6,013,554,495
9. Selling expenses	25	VI.5	1,108,620,560	1,750,327,065
10. General and administration expenses	26	VI.6	32,068,007,840	24,819,714,449
11. Net operating profit/ (loss)	30		121,665,563,787	118,134,402,884
12. Other income	31	VI.7	4,272,752,343	3,366,466,379
13. Other expenses	32	VI.8	1,810,018,939	262,313,728
14. Other profit/ (loss)	40		2,462,733,404	3,104,152,651
15. Total accounting profit/ (loss) before tax	50		124,128,297,191	121,238,555,535
16. Current income tax	51	V.13	24,973,155,123	22,738,267,784
17. Deferred income tax	52		-	-
18. Profit/ (loss) after tax	60		99,155,142,068	98,500,287,751
19. Profit/ (loss) after tax of the Parent Company	61		97,374,835,265	96,847,450,473
20. Profit/ (loss) after tax of non-controlling shareholders	62	V.18	1,780,306,803	1,652,837,278
21. Basic earnings per share	70	VI.9	2,723	2,701
22. Diluted earnings per share	71	VI.9	2,723	2,701

Prepared by



Vo Thai Hau

Chief Accountant



Nguyen Viet Truong

Prepared on 19 February 2025

Director



Le Chi Dang

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit/ (loss) before tax	01		124,128,297,192	121,238,555,535
2. Adjustments				
- Depreciation and amortization of fixed assets and	02	V.9,10	28,827,491,698	35,645,217,698
- Provisions and allowances	03	V.6	3,580,993,812	1,850,450,183
- Exchange (gain)/ loss due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04		-	(2,507,532)
- (Gain)/ loss from investing activities	05		(19,301,141,523)	(19,267,744,692)
- Interest expenses	06	VI.4	35,965,293	-
- Others	07		-	-
3. Operating profit/ (loss) before changes of working capital	08		137,271,606,472	139,463,971,192
- (Increase)/ decrease of receivables	09		(46,398,973,400)	2,395,745,155
- (Increase)/ decrease of inventories	10		(344,784,692)	(4,103,086,519)
- Increase/ (decrease) of payables	11		(1,794,066,215)	(491,484,422)
- (Increase)/ decrease of prepaid expenses	12		(4,182,342,749)	617,271,355
- (Increase)/ decrease of trading securities	13		-	-
- Interests paid	14		(32,925,973)	-
- Corporate income tax paid	15	V.13	(23,672,197,086)	(21,905,697,558)
- Other cash inflows from operating activities	16	V.17	4,000,000	-
- Other cash outflows from operating activities	17	V.17	(5,067,812,163)	(4,928,409,706)
Net cash flows from operating activities	20		55,782,504,193	111,048,309,497
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21		(21,725,798,445)	(4,831,165,800)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		5,401,581,282	2,263,379,712
3. Cash outflows for lending, buying debt instruments of other entities	23		(275,000,000,000)	(105,000,000,000)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		175,000,000,000	109,409,653,155
5. Investments into other entities	25		-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Interests earned, dividends and profits received	27		12,117,132,614	15,044,266,605
Net cash flows from investing activities	30		(104,207,084,549)	16,886,133,672

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

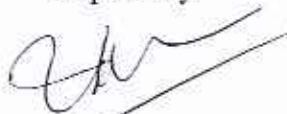
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Consolidated Cash Flow Statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from issuing stocks and capital contributions from owners	31		-	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33	V.16b	2,719,000,000	-
4. Repayment for loan principal	34		-	-
5. Payments for financial leased assets	35		-	-
6. Dividends and profits paid to the owners	36		(89,711,289,900)	(123,858,772,240)
<i>Net cash flows from financing activities</i>	<i>40</i>		<i>(86,992,289,900)</i>	<i>(123,858,772,240)</i>
Net cash flows during the year	50		(135,416,870,256)	4,075,670,929
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	234,879,103,936	230,800,925,475
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		-	2,507,532
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	99,462,233,680	234,879,103,936

Prepared by



Vo Thai Hau

Chief Accountant



Nguyen Viet Truong

Prepared on 19 February 2025

Director



Le Chi Dang

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

I. GENERAL INFORMATION**1. Ownership form**

Cat Lai Port Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company" or "the Parent Company") is a joint stock company.

2. Operating field

The Company operates in the field of service.

3. Principal activities

The principal activities of the Company are leasing seaport, leasing stevedoring equipment, cargo loading and unloading services at seaports.

4. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is within 12 months.

5. Structure of the Group

The Group includes the Parent Company and one subsidiary under the control of the Parent Company which is consolidated in these Consolidated Financial Statements.

5a. Information on the Group's restructuring

The Group did not acquire any new subsidiaries, or dispose of or divest any existing ones during the year.

5b. List of consolidated subsidiaries

The Company only invests in one subsidiary, which is Cat Lai Port International Logistics JSC, located at No. 43 Road N2, Mega Village Residential Quarter, Quarter 3, Phu Huu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City. The principal activity of this subsidiary is other support services related to transportation. As of the balance sheet date, the Company's contribution rate in this subsidiary was 54.29%, the voting rate and the ownership rate were equivalent to the contribution rate.

5c. List of associates accounted for in the Consolidated Financial Statements by using the equity method

The Group only invests in one associate, which is Tan Cang Que Vo JSC, located in Kieu Luong Hamlet, Duc Long Commune, Que Vo Town, Bac Ninh Province. The principal activity of this associate is leasing depot. As of the balance sheet date, the Group's contribution rate in this associate was 20%; the voting rate and the ownership rate were equivalent to the contribution rate.

6. Statement on information comparability in the Consolidated Financial Statements

The corresponding figures of the previous year are comparable to those of the current year.

7. Employees

As of the balance sheet date, there were 84 employees working for the Group (at the beginning of the year: 85 employees).

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Fiscal year

The fiscal year of the Group is from 1 January to 31 December annually.

2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnam Dong (VND) because payments and receipts of the Group are primarily made in VND.

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Accounting System

The Group applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 on guidelines for accounting policies for enterprises, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016, the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 giving guidance on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

2. Statement on the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Management ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016, the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of preparation of the Consolidated Financial Statements

All the Consolidated Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

The Consolidated Financial Statements are prepared in Vietnamese and English, in which the Consolidated Financial Statements in Vietnamese are the official statutory financial statements of the Group. The Consolidated Financial Statements in English have been translated from the Vietnamese version. Should there be any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall take precedence.

2. Basis of consolidation

The Consolidated Financial Statements include the Combined Financial Statements of the Parent Company and the Financial Statements of its subsidiaries. A subsidiary is a business that is controlled by the Parent Company. The control exists when the Parent Company has the power to directly or indirectly govern the financial and operating policies of the subsidiary to obtain economic benefits from its activities. In determining the control power, the potential voting right arising from share call options, debt or equity instruments that are convertible into ordinary shares as of the balance sheet date shall be taken into consideration.

The business performance results of the subsidiaries that are acquired or disposed of during the period are included in the Consolidated Income Statement from the date of acquisition or until the date of disposal of those subsidiaries.

The Financial Statements of the Parent Company and its subsidiaries used for consolidation are prepared for the same accounting period and apply consistent accounting policies for similar transactions and events in similar circumstances. In case the subsidiaries' accounting policies are different from those that are applied consistently within the Group, the appropriate adjustments should be made to the subsidiaries' Financial Statements before they are used to prepare the Consolidated Financial Statements.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

Intra-group balances in the balance sheet and intra-group transactions and unrealized intra-group gains or losses resulting from these transactions are eliminated when preparing the Consolidated Financial Statements. Unrealized losses resulting from intra-group transactions are also eliminated unless costs that cause those losses cannot be recovered.

Non-controlling interests ("NCI") include the gains or losses of the subsidiary's business performance results and net assets that are not held by the Parent Company and are presented in a specific item in the Consolidated Income Statement and the Consolidated Balance Sheet (as a part of the owner's equity). NCI include the value of NCI at the date of initial business combination and those in the changes of owner's equity commencing from that date.

Losses arising in subsidiaries are allocated to NCI based on the non-controlling shareholders' ownership rate in the subsidiaries, even if those losses exceed the non-controlling shareholders' ownership in the net assets of the subsidiaries.

3. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits. Cash equivalents are short-term investments of which the due dates do not exceed 3 months from the dates of the investments that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value as of the balance sheet date.

4. Financial investments

Held-to-maturity investments

Investments are classified as held-to-maturity investments that the Group intends and is able to hold to maturity. Held-to-maturity investments of the Group only include term deposits in bank. Interest income from term deposits in bank is recognized in the Consolidated Income Statement on the accrual basis.

Investments in associates

An associate is an entity which the Group has significant influence but does not have the right to control its financial and operating policies. Significant influence is the right to participate in making resolution on the associate's financial and operating policies but not control those policies.

Investments in associates are recognized in accordance with the equity method. Accordingly, the investments in associates are presented in the Consolidated Financial Statements by the initial investment costs and adjusted for changes in benefits on net assets of associates after the investment date. If the benefits of the Group in losses of associates are higher than or equal to book value of the investments, the value of investments will be presented in the Consolidated Financial Statements as zero unless the Group has an obligation to make the payment instead of associates.

The Financial Statements of associates are prepared for the same accounting period of the Group. In case the accounting policies of an associate are different from those consistently applied in the Group, the Financial Statements of that associate will be suitably adjusted before being used to prepare the Consolidated Financial Statements.

Unrealized gains and losses from transactions with associates are eliminated by the proportion belong to the Group when preparing the Consolidated Financial Statements.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities include such investments in equity instruments that do not enable the Group to have the control, joint control or significant influence on these entities.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognized at costs, including cost of purchase plus other directly attributable transaction costs. Dividend and profit of the periods prior to the acquisition of investments are deducted from the cost of such investments. Dividend and profit of the periods after the acquisition of such investments are recorded in the Group's financial income. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

Provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities

For investments in equity instruments of other entities which are not listed organizations, of which the fair value cannot be measured at the time of reporting, provisions are made based on the losses suffered by investees, with the provision amount determined by the difference between owners' actual contributed capital and total owners' equity as of the balance sheet date multiplied (x) by the Group's rate of charter capital owning in these investees.

Increases/ (decreases) in the provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Financial expenses".

5. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowance for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Group and customers who are independent to the Group.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

Allowance is made for each doubtful debt after being offset against liabilities (if any). The allowance rate is based on the debts' duration of overdue or the estimated loss, as follows:

- As for overdue debts:
 - 30% of the value of debts with the duration of overdue from over 6 months to under 1 year.
 - 50% of the value of debts with the duration of overdue from 1 year to under 2 years.
 - 70% of the value of debts with the duration of overdue from 2 years to under 3 years.
 - 100% of the value of debts with the duration of overdue from or over 3 years.
- As for the debts that are not overdue, but considered as doubtful debts: Allowance is made on the basis of the estimated loss.

Increases/ (decreases) in the allowance for doubtful debts to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "General and administration expenses".

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

6. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses arising and relevant to financial performance in several accounting periods. Prepaid expenses of the Group mainly include expenses for tools, expenses for fixed asset repairs and vehicle insurance premiums. These prepaid expenses are allocated over the prepayment period or the period in which corresponding economic benefits are generated from these expenses.

Expenses for tools

Expenses for tools in use are allocated into expenses using the straight-line method for the maximum period of 3 years.

Vehicle insurance premiums

Vehicle insurance premiums are allocated into work in progress using the straight-line method over the term in the insurance policy.

Expenses for fixed asset repairs

Expenses for fixed asset repairs arising once with high value are allocated into expenses using the straight-line method in 3 years.

7. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Group to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operation costs during the year.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are as follows:

<u>Class of fixed assets</u>	<u>Years</u>
Buildings and structures	05 – 30
Machinery and equipment	03 – 12
Vehicles	06 – 10
Office equipment	03 – 06
Other fixed assets	02 – 06

8. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated amortization.

Historical costs of intangible fixed assets include all the costs paid by the Group to bring the asset to its working condition for its intended use. Other costs relevant to intangible fixed assets arising subsequent to initial recognition are included into operation costs during the period, otherwise, these costs are included into historical costs of fixed assets only if they are associated with a specific intangible fixed asset and result in future economic benefits expected to be obtained from the use of the asset.

When an intangible fixed asset is sold or disposed, its historical costs and accumulated amortization are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

The Group's intangible fixed asset includes:

Land use right

Land use right includes all the actual expenses paid by the Group directly attributable to the land being used such as expenses to obtain the land use right, expenses for site clearance compensation and ground leveling, registration fees, etc. Land use right granted by the State with obligation to pay land use fees is amortized in accordance with the straight-line method over the land granted period (50 years).

Computer software

Costs to obtain computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Group until the date the software is put into use. Computer software is amortized in accordance with the straight-line method in 03 - 04 years.

9. Construction-in-progress

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant borrowing interest expenses following the accounting policies of the Group) directly attributable to the construction of plants and the installation of machinery and equipment to serve for production, leasing, and management as well as the repair of fixed assets, which have not been completed yet. Assets in the progress of construction and installation are recorded at historical costs and not depreciated.

10. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded based on the amounts payable for goods and services already used. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of merchandise, services, or assets and the seller is an independent entity with the Group.
- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operating expenses.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of merchandise or rendering of services.

Payables and accrued expenses are classified into short-term and long-term ones in the Consolidated Balance Sheet based on the remaining terms as of the balance sheet date.

11. Owner's equity

Owner's contribution capital

Owner's contribution capital is recorded according to the actual amounts invested by the shareholders.

Share premiums

The differences between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date are recognized into share premiums. Expenses directly attributable to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

12. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Company as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made in consideration of non-cash items in retained earnings that may affect cash flows and the ability to pay dividends such as profit from revaluation of assets invested in other entities, profit from revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividend is recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

13. Recognition of revenue and income

Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services provided under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the services rendered.
- The Group received or shall probably receive the economic benefits associated with the rendering of services.
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are rendered in several accounting periods, revenue is recognized on the basis of the stage of completion as of the balance sheet date.

Interest

Interest is recorded based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

Dividend income

Income from dividends is recognized when the Group has the right to receive dividends from the investees. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

14. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the Group's economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

15. Corporate income tax

Corporate income tax only includes current income tax, which is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**16. Related parties**

Parties are considered to be related parties in case that one party is able to control the other party or has significant influence on the financial and operating decisions of the other party. Parties are also considered to be related parties in case that they are under the common control or under the common significant influence.

In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship and not merely the legal form.

17. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policy applied for the preparation and presentation of the Group's Consolidated Financial Statements.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET**1. Cash and cash equivalents**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	450,230,825	400,245,219
Demand deposits in banks	38,864,582,855	36,372,566,451
Cash equivalents (Bank deposits of which the principal maturity is from or under 3 months)	60,147,420,000	198,106,292,266
<i>Nam A Commercial Joint Stock Bank</i>	<i>50,000,000,000</i>	<i>180,000,000,000</i>
<i>Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade</i>	<i>10,000,000,000</i>	<i>15,958,872,266</i>
<i>Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam</i>	<i>147,420,000</i>	<i>147,420,000</i>
<i>Military Commercial Joint Stock Bank</i>	<i>-</i>	<i>2,000,000,000</i>
Total	<u>99,462,233,680</u>	<u>234,879,103,936</u>

2. Financial investments**2a. Held-to-maturity investments**

Ending balance is term deposits with the term of 6 – 12 months at commercial banks, which have carrying value equal to their original costs, the interest rate from 3.2% to 4.2% per year.

2b. Investments in associates

This is the investment in Tan Cang Que Vo JSC. As of the balance sheet date, the Parent Company owned 2,523,400 shares with the face value of VND 25,234,000,000 equivalent to 20% of charter capital of Tan Cang Que Vo JSC.

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Original costs	78,225,400,000	78,225,400,000
Profit after investment date	7,151,265,745	6,959,835,488
Total	<u>85,376,665,745</u>	<u>85,185,235,488</u>

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

Ownership value in the associate using the equity method is as follows:

	Current year	Previous year
Beginning balance	85,185,235,488	83,707,440,096
Profit in the year	6,204,984,752	6,013,554,495
Dividend income received in the year	(6,013,554,495)	(4,535,759,103)
Ending balance	85,376,665,745	85,185,235,488

Operation of associates

The associate has been in its normal operation and has not experienced any significant change as compared to that of the previous year.

Transactions with associates

During the year, besides dividends received from the associate, the Group did not have any other transactions with the associate.

2c. Investments in other entities

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
Ho Chi Minh Rubber Corporation	2,258,600,000	(1,637,309,606)	2,258,600,000	(1,637,309,606)

As of the balance sheet date, the Group owned 225,860 shares equivalent to 0.83% of charter capital of Ho Chi Minh Rubber Corporation, same as the beginning balance.

Fair value

The Group has not determined fair value of the investments without listed prices because there have not been any specific instructions on determination of fair value.

3. Short-term trade receivables

	Ending balance	Beginning balance
<i>Receivables from related parties</i>	77,604,149,935	40,782,894,076
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	77,458,842,360	39,702,041,701
Tan Cang Overland Transport JSC.	4,266,000	-
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	7,938,000	-
Tan Cang Song Than ICD JSC.	-	947,748,800
<i>Receivables from other customers</i>	9,017,088,519	6,451,775,672
Total	86,488,134,879	47,101,566,173

4. Short-term prepayments to suppliers

	Ending balance	Beginning balance
<i>Prepayments to related parties</i>	2,358,000,000	555,411,817
Tan Cang Technical Services JSC.	2,358,000,000	-
Tan Cang Construction JSC.	-	555,411,817
<i>Prepayments to other suppliers</i>	11,250,410,952	18,750,000
Nguyen Loi Heavy Transport Co., Ltd.	6,000,000,000	-
Liebherr-Moctec Rostock GMBH	4,603,932,000	-
Other suppliers	646,478,952	18,750,000
Total	13,608,410,952	574,161,817

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**5. Other receivables****5a. Other short-term receivables**

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Allowance	Original cost	Allowance
<i>Receivables from related parties</i>	923,209,570	-	849,796,700	-
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation – receipts and payments on behalf	923,209,570	-	849,796,700	-
<i>Receivables from other organizations and individuals</i>	13,473,342,644	(3,489,345,554)	11,456,259,812	(17,558,567)
Accrued interest income of term deposits	4,801,336,103	-	2,051,199,779	-
Advances	1,267,892,162	-	1,739,315,843	-
Payments on behalf	143,045,762	(11,811,925)	626,349,377	-
Deposits	100,000,000	-	-	-
Quang Thai Hong One Member Co., Ltd. ^(*)	6,736,930,124	(3,368,465,062)	6,736,930,124	-
Other short-term receivables	424,138,493	(109,068,567)	302,464,689	(17,558,567)
Total	14,396,552,214	(3,489,345,554)	12,306,056,512	(17,558,567)

(*) This is the receivable from Quang Thai Hong One Member Co., Ltd. in accordance with the Court's decisions related to the dispute over the business cooperation contract between Saigon Agricultural Incorporation and Cat Lai Port Joint Stock Company and the consignment contract between Quang Thai Hong One Member Co., Ltd. and Cat Lai Port Joint Stock Company, accordingly, Quang Thai Hong One Member Co., Ltd. is required to pay the Company with the amount of VND 6,736,930,124 (including rental and interest). Due to the fact that Quang Thai Hong One Member Co., Ltd. has not yet fulfilled its payment obligations in accordance with the Judgment and Enforcement Decisions, the Civil Judgment Enforcement Office of Binh Thanh District had issued the Decision No. 67/QĐ-CCTHADS dated 8 May 2023 on the temporary suspension of exit from the country for Mr. Nguyen Hoang Hai - legal representative of Quang Thai Hong One Member Co., Ltd.

5b. Other long-term receivables

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Allowance	Original cost	Allowance
Long-term deposits	84,750,000	-	188,800,000	-

6. Allowance for doubtful debts

	Duration of overdue	Ending balance		Duration of overdue	Beginning balance	
		Original cost	Allowance		Original cost	Allowance
Quang Thai Hong One Member Co., Ltd.	From 1 year to 2 years	6,736,930,124	(3,368,465,062)		-	-
Other customers	> 03 years	1,429,103,769	(1,429,103,769)	From 6 months to over 3 years	1,357,593,769	(1,216,575,019)
Total		8,166,033,893	(4,797,568,831)		1,357,593,769	(1,216,575,019)

Fluctuations in allowance for doubtful debts are as follows:

	Current year	Previous year
Beginning balance	1,216,575,019	1,003,434,442
Additional allowance	3,580,993,812	213,140,577
Ending balance	4,797,568,831	1,216,575,019

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**7. Inventories**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Tools	4,207,217,455	5,185,890,519
Work in progress	1,323,457,756	-
Total	<u>5,530,675,211</u>	<u>5,185,890,519</u>

8. Prepaid expenses**8a. Short-term prepaid expenses**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Vehicle insurance premiums	319,483,707	274,073,844
Road toll	197,627,900	152,226,264
Expenses for repairs	2,081,410,332	721,428,999
Other expenses	18,815,889	-
Total	<u>2,617,337,828</u>	<u>1,147,729,107</u>

8b. Long-term prepaid expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Expenses for crane repairs	3,329,173,138	-
Expenses for rail system repairs	11,970,854,750	-
Expenses for tools	2,951,994,786	2,782,094,926
Other expenses	46,049,421	128,220,465
Total	<u>18,298,072,095</u>	<u>2,910,315,391</u>

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

9. Tangible fixed assets	Buildings and structures	Machinery and equipment	Vehicles	Office equipment	Other fixed assets	Total
Historical costs						
Beginning balance	195,087,317,394	359,421,314,524	58,754,971,645	1,799,872,937	1,315,540,278	616,379,016,778
Acquisition during the year	-	351,979,124	6,602,121,925	99,934,000	-	7,054,035,049
Disposal and liquidation	-	(18,151,271,569)	(8,807,260,598)	-	-	(26,958,532,167)
Ending balance	195,087,317,394	341,622,022,079	56,549,832,972	1,899,806,937	1,315,540,278	596,474,519,660
<i>In which:</i>						
Assets fully depreciated but still in use	48,255,215,546	232,449,170,257	-	55,400,545	347,571,500	281,107,357,848
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-
Depreciation						
Beginning balance	118,051,768,260	336,051,057,283	41,262,515,609	755,195,068	506,559,708	496,627,095,928
Depreciation during the year	6,901,704,540	13,124,279,672	6,483,162,003	480,900,493	250,813,592	27,240,860,300
Disposal and liquidation	-	(18,151,271,569)	(7,379,696,502)	-	-	(25,530,968,071)
Ending balance	124,953,472,800	331,024,065,386	40,365,981,110	1,236,095,561	757,373,300	498,336,988,157
Net book value						
Beginning balance	77,035,549,134	23,370,257,241	17,492,456,036	1,044,677,869	808,980,570	119,751,920,850
Ending balance	70,133,844,594	10,597,956,693	16,183,851,862	663,711,376	558,166,978	98,137,531,503
<i>In which:</i>						
Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-

Some tangible fixed assets with the net book value of VND 5,464,917,800 have been pledged as collateral for the Group's loan at Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Ho Chi Minh City Branch.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

10. Intangible fixed assets

	Land use right	Computer software	Total
Historical costs			
Beginning balance	101,262,004,441	339,500,000	101,601,504,441
Ending balance	101,262,004,441	339,500,000	101,601,504,441
<i>In which:</i>			
Assets fully amortized but still in use	-	339,500,000	339,500,000
Amortization			
Beginning balance	24,694,099,349	337,516,686	25,031,616,035
Amortization during the year	1,584,648,084	1,983,314	1,586,631,398
Ending balance	26,278,747,433	339,500,000	26,618,247,433
Net book value			
Beginning balance	76,567,905,092	1,983,314	76,569,888,406
Ending balance	74,983,257,008	-	74,983,257,008
<i>In which:</i>			
Assets temporarily not in use	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-

11. Construction-in-progress

	Beginning balance	Incurred in the year	Transferred to expenses/prepaid expenses	Ending balance
Acquisition of fixed assets	-	124,061,666	-	124,061,666
Construction-in-progress	553,543,848	-	-	553,543,848
Expenses for fixed asset repairs	3,358,159,911	9,943,769,730	(12,675,022,676)	626,906,965
<i>Project of repair and maintenance of rail system and support equipment of wharf No. 7</i>	<i>3,358,159,911</i>	<i>9,316,862,765</i>	<i>(12,675,022,676)</i>	<i>-</i>
<i>Other projects</i>	<i>-</i>	<i>626,906,965</i>	<i>-</i>	<i>626,906,965</i>
Total	3,911,703,759	10,067,831,396	(12,675,022,676)	1,304,512,479

12. Short-term trade payables

	Ending balance	Beginning balance
Payables to related parties	12,441,928,717	17,488,983,092
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	38,400,487	16,143,301
Tan Cang Technical Services JSC.	868,227,638	1,441,310,050
Tan Cang Construction LLC	636,448,106	-
Tan Cang - Tay Ninh JSC.	50,300,000	-
Tan Cang Song Than ICD JSC.	14,580,000	-
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	223,383,000	189,313,200
Cat Lai Logistics JSC.	-	193,480,000
North Newport Logistics JSC.	-	267,192,000

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Tan Cang Hong Ngoc Phu Quoc Investment Logistics JSC.	10,446,413,486	15,381,544,541
Dong Nai Newport Logistics JSC.	164,176,000	-
Payables to other suppliers	18,357,922,572	14,606,700,808
Hong Linh Construction – Trading Co., Ltd.	2,044,326,721	1,049,376,088
Ecotruck Technology JSC.	571,088,200	3,021,634,346
Son Tuyen Business Household	6,932,687,790	6,992,799,940
Other suppliers	8,809,819,861	3,542,890,434
Total	30,799,851,289	32,095,683,900

The Group has no overdue trade payables.

13. Taxes and other obligations to the State Budget

	<u>Beginning balance</u>		<u>Incurred in the year</u>		<u>Ending balance</u>
	<u>Payable</u>	<u>Receivable</u>	<u>Amount payable</u>	<u>Amount already paid</u>	<u>Payable</u>
VAT on local sales	458,427,361	-	16,996,355,984	(16,709,156,687)	745,626,658
Corporate income tax	5,151,298,238	-	24,973,155,123	(23,672,197,086)	6,452,256,275
Personal income tax	1,774,141,859	-	2,148,803,438	(3,393,237,649)	529,707,648
Property tax	-	-	15,499,175	(15,499,175)	-
Land rental	-	258,319,584	861,065,280	(602,745,696)	-
License duty	-	-	6,000,000	(6,000,000)	-
Total	7,383,867,458	258,319,584	45,000,879,000	(44,398,836,293)	7,727,590,581

Value added tax (VAT)

The Group has to pay VAT in accordance with the deduction method. The VAT rates are as follows:

Providing fresh water	5%
Other services	8% - 10%

Corporate income tax (CIT)

The companies in the Group have to pay CIT for taxable income at the rate of 20%.

The determination of corporate income tax liability of the companies in the Group is based on the prevailing regulations on taxes. However, these regulations may change from time to time and regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Therefore, the tax amount presented in the Consolidated Financial Statements could change when being inspected by the Tax Office.

Property tax

Property tax is paid according to the notices of the tax department.

Land rental

According to the notice of annual payment of land and water surface rental No. 7512/TB-CCTIPTD dated 11 March 2024, the land rental payable in 2024 for an area of 59,796.2 m² in Cat Lai Ward, Thu Duc City, for the purpose of shipping service activities is VND 861,065,280.

Other taxes

The Group declares and pays these taxes according to prevailing regulations.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**14. Short-term accrued expenses**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Accrued expenses to related parties</i>	<i>197,499,260</i>	-
Tan Cang Hong Ngoc Phu Quoc Investment Logistics JSC. – Expenses for transportation	197,499,260	-
<i>Accrued expenses to other organizations and individuals</i>	<i>397,671,601</i>	<i>1,322,254,484</i>
Loan interest expenses	3,039,320	-
Expenses for transport, stevedoring	386,317,929	1,020,317,217
Electricity charge	8,314,352	301,937,267
Total	595,170,861	1,322,254,484

15. Other short-term payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	<i>341,765,000</i>	<i>5,800,000</i>
Allowance for BOD, BOS	162,000,000	-
Tan Cang Hong Ngoc Phu Quoc Investment Logistics JSC. - receipts and payments on behalf	173,965,000	-
Cat Lai Logistics JSC. - Expenses for transport	5,800,000	5,800,000
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	<i>7,390,795,931</i>	<i>8,324,778,108</i>
Trade Union's expenditure	38,209,244	35,291,786
Social insurance, health insurance, unemployment insurance premiums	4,128,734	9,596,940
Short-term deposits received	566,550,000	582,590,000
Dividends payable	5,626,596,635	6,217,886,535
Payments on behalf payable	1,133,257,286	1,458,122,847
Other short-term payables	22,054,032	21,290,000
Total	7,732,560,931	8,330,578,108

The Group has no other overdue payables.

16. Borrowings**16a. Short-term borrowings**

This is the current portions of long-term loan from Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Ho Chi Minh City Branch (Refer to Note V.16b).

The Group has solvency to repay current portions of long-term loans.

16b. Long-term borrowings

This is the long-term loan from Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Ho Chi Minh City Branch from 16 October 2024 to invest in fixed assets which are 5 tractors, the loan term is 60 months starting from the following day of the disbursement date to the maturity date specified in the bill of debt. The interest rate of the loan is 6.8% per year. This loan is secured by mortgaging the assets formed from the loan capital.

The Group has solvency to repay long-term loans.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

Payment schedule of long-term loans from bank is as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
From or under 1 year	543,800,000	-
Over 1 year to 5 years	2,175,200,000	-
Over 5 years	-	-
Total	<u>2,719,000,000</u>	<u>-</u>

Details of increase/ (decrease) of long-term loans from bank are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	-	-
Amount of loan incurred	2,719,000,000	-
Amount of loan repaid	-	-
Transfer to short-term loans	(543,800,000)	-
Ending balance	<u>2,175,200,000</u>	<u>-</u>

17. Bonus and welfare funds

	<u>Beginning balance</u>	<u>Other increase</u>	<u>Increase due to appropriation from profit</u>	<u>Disbursement during the year</u>	<u>Ending balance</u>
Bonus fund	1,991,802,906	4,000,000	3,836,971,627	(3,552,000,000)	2,280,774,533
Welfare fund	683,267,707	-	959,242,907	(1,166,430,000)	476,080,614
Bonus fund for the Executive Officers	4,859,882	-	349,382,163	(349,382,163)	4,859,882
Total	<u>2,679,930,495</u>	<u>4,000,000</u>	<u>5,145,596,697</u>	<u>(5,067,812,163)</u>	<u>2,761,715,029</u>

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

18. Owner's equity**18a. Statement of changes in owner's equity**

	Owner's contribution capital	Share premiums	Investment and development fund	Retained earnings	Non-controlling interests	Total
<i>Previous year</i>						
Beginning balance	340,000,000,000	60,123,448,000	103,623,271,921	130,010,680,692	16,617,337,167	650,374,737,780
Profit of the year	-	-	-	96,847,450,473	1,652,837,278	98,500,287,751
Dividends declared	-	-	-	(125,120,000,000)	(40,000,000)	(125,160,000,000)
Appropriation for the Executive Officers' bonus fund from profit of the previous year	-	-	-	(313,409,706)	-	(313,409,706)
Appropriation for bonus and welfare funds from profit of the year	-	-	-	(4,670,345,541)	-	(4,670,345,541)
Ending balance	340,000,000,000	60,123,448,000	103,623,271,921	96,754,375,918	18,230,174,445	618,731,270,284
<i>Current year</i>						
Beginning balance	340,000,000,000	60,123,448,000	103,623,271,921	96,754,375,918	18,230,174,445	618,731,270,284
Profit of the year	-	-	-	97,374,835,265	1,780,306,803	99,155,142,068
Dividends declared	-	-	-	(88,400,000,000)	(720,000,000)	(89,120,000,000)
Appropriation for the Executive Officers' bonus fund from profit of the previous year	-	-	-	(349,382,163)	-	(349,382,163)
Appropriation for bonus and welfare funds from profit of the year	-	-	-	(4,796,214,534)	-	(4,796,214,534)
Ending balance	340,000,000,000	60,123,448,000	103,623,271,921	100,583,614,486	19,290,481,248	623,620,815,655

These Notes form an integral part of and should be read in conjunction with the Consolidated Financial Statements

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**18b. Details of owner's capital contribution**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
The State's investment capital	162,149,200,000	162,149,200,000
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	87,161,700,000	87,161,700,000
Voluntary Youth Public Benefit Service Co., Ltd.	74,987,500,000	74,987,500,000
Other shareholders' contribution capital	177,850,800,000	177,850,800,000
Share premiums	60,123,448,000	60,123,448,000
Total	400,123,448,000	400,123,448,000

18c. Shares

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Number of ordinary shares registered to be issued	34,000,000	34,000,000
Number of ordinary shares already issued	34,000,000	34,000,000
Number of outstanding ordinary shares	34,000,000	34,000,000

Face value per outstanding share: VND 10,000.

18d. Profit distribution

During the year, the Parent Company distributed profit in accordance with the Resolution of 2024 Annual General Meeting of Shareholders No.19/NQ-DHDCD/CLL dated 3 June 2024 as follows:

<i>Distribution of profit after tax of 2023</i>	<u>VND</u>
• Appropriation for the Executive Officers' bonus fund	: 349,382,163
• Dividends declared	: 88,400,000,000
<i>Temporary distribution of profit after tax of 2024</i>	
• Appropriation for bonus and welfare funds (5% of profit after tax)	: 4,796,214,534

The subsidiary distributed profit in accordance with the Resolution of 2024 Annual General Meeting of Shareholders No. 01-2024/NQ-DHDCD/CIL dated 26 June 2024 as follows:

<i>Distribution of profit after tax of 2023</i>	<u>VND</u>
• Dividends declared to non-controlling shareholders	: 720,000,000

19. Off-Consolidated Balance Sheet items**Foreign currencies**

As of the balance sheet date, cash and cash equivalents included USD 3,701.88 (the beginning balance was USD 3,660.16).

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT**1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services****1a. Gross revenue**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from seaport leasing services	153,000,000,000	150,000,000,000
Revenue from transport services	131,055,558,684	119,643,811,381
Revenue from stevedoring equipment leasing services	23,800,483,512	25,053,140,539
Revenue from sales of merchandise	588,282,710	-
Other revenue	14,144,374,365	11,594,117,160
Total	322,588,699,271	306,291,069,080

1b. Revenue from sales of merchandise and rendering of services to related parties

The Group has transactions of sales of merchandise and rendering of services to other related parties as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
<i>Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation</i>		
Revenue from seaport leasing services	153,000,000,000	150,000,000,000
Revenue from transport services	156,225,587,315	111,726,380,508
Revenue from stevedoring equipment leasing	23,800,483,512	25,053,140,539
Other revenue	6,645,034,365	11,594,117,160
<i>Revenue from rendering of services to other related parties</i>		
Tan Cang – Tay Ninh JSC.	473,420,000	1,081,990,000
Tan Cang Song Than ICD JSC.	93,390,000	889,120,000
Cat Lai Logistics JSC.	-	121,700,000
Tan Cang Hong Ngoc Phu Quoc Investment Logistics JSC.	-	584,100,000
Dong Nai Newport Logistics JSC.	-	118,972,730
Tan Cang Overland Transport JSC.	3,950,000	-
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	7,350,000	-

2. Costs of sales

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Costs of seaport leasing services	22,838,155,861	29,683,064,895
Costs of transport services	124,378,623,270	114,115,301,624
Costs of stevedoring equipment leasing services	20,949,146,670	22,295,789,242
Costs of merchandise sold	576,822,039	-
Other costs	14,351,352,113	10,052,960,964
Total	183,094,099,953	176,147,116,725

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**3. Financial income**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest from bank deposits	9,136,414,615	10,181,790,837
Exchange gain arising from transactions in foreign currencies	42,158,795	-
Exchange gain due to the revaluation of monetary items in foreign currencies	-	2,507,532
Total	<u>9,178,573,410</u>	<u>10,184,298,369</u>

4. Financial expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest expenses	35,965,293	-
Exchange loss arising from transactions in foreign currencies	-	51,216
Provisions for the diminution in value of long-term financial investments	-	1,637,309,606
Total	<u>35,965,293</u>	<u>1,637,360,822</u>

5. Selling expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Expenses for external services	720,954,000	925,464,000
Other expenses	387,666,560	824,863,065
Total	<u>1,108,620,560</u>	<u>1,750,327,065</u>

6. General and administration expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Labor costs	15,483,246,903	12,899,472,105
Materials, supplies	125,633,778	223,631,815
Office supplies	458,937,833	328,629,923
Depreciation/amortization of fixed assets	1,979,579,510	1,918,454,772
Taxes, fees and legal fees	26,684,175	36,424,907
Allowance for doubtful debts	3,580,993,812	213,140,577
Expenses for external services	3,965,070,596	3,143,717,923
Other expenses	6,447,861,233	6,056,242,427
Total	<u>32,068,007,840</u>	<u>24,819,714,449</u>

7. Other income

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Gain on disposal and liquidation of fixed assets	4,242,442,328	3,072,399,360
Proceeds from selling used scraps, materials	30,310,000	-
Proceeds from enforcement of judgments on business cooperation contract disputes	-	294,066,047
Other income	15	972
Total	<u>4,272,752,343</u>	<u>3,366,466,379</u>

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**8. Other expenses**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Fines for administrative violation and tax fines and tax collected in arrears	219,658,000	38,896,871
Support costs	71,712,690	184,800,000
Expenses for enforcement of judgments on business cooperation contract disputes (*)	1,518,466,400	-
Other expenses	-	38,616,857
Total	1,810,018,939	262,313,728

- (*) According to the Appeal Judgment No. 132/2024/KDTM-P.T dated 24 May 2024 of the People's Court of Ho Chi Minh City regarding the dispute over the business cooperation contract between Saigon Agricultural Incorporation and Cat Lai Port Joint Stock Company, the Company is required to pay Saigon Agricultural Incorporation VND 1,452,880,000 (including 13 months of revenue sharing and interest arising from deferred payment) and cover court fees of VND 55,586,400.

9. Earnings per share ("EPS")**9a. Basic/Diluted EPS**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Accounting profit after corporate income tax of the Parent Company's shareholders	97,374,835,265	96,847,450,473
Appropriation for the Parent Company's bonus and welfare funds (*)	(4,796,214,534)	(4,670,345,541)
The Parent Company's Executive Officers' bonus fund	-	(349,382,163)
Profit used to calculate basic EPS	92,578,620,731	91,827,722,769
Average number of ordinary shares outstanding during the year	34,000,000	34,000,000
Basic EPS	2,723	2,701

(*) For the purpose of determining the "Basic EPS" item of the current year, the bonus and welfare fund and the Executive Officers' bonus fund are temporarily calculated based on 2024 profit distribution plan, in accordance with the Resolution of 2024 Annual General Meeting of Shareholders No. 19/NQ-DHDCD/CLL dated 3 June 2024.

The basic EPS of the previous year was recalculated, decreasing from VND 2,711 to VND 2,701 due to the deduction of the appropriation for the Executive Officers' bonus fund when determining the profit used to calculate basic EPS, in accordance with the guidance of the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2024 of the Ministry of Finance.

9b. Other information

There have not been any transactions of ordinary shares or potential transactions of ordinary shares from the balance sheet date to the disclosure date of these Consolidated Financial Statements.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

10. Operating costs by factors

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Materials and supplies	21,558,593,596	22,971,262,446
Labor costs	30,912,670,597	30,014,275,616
Depreciation/amortization of fixed assets	28,827,491,698	35,645,217,698
Expenses for external services	114,957,131,134	98,343,872,907
Other expenses	19,438,019,289	15,742,529,572
Total	<u>215,693,906,314</u>	<u>202,717,158,239</u>

VII. OTHER DISCLOSURES**1. Operating leased assets**

As of the balance sheet date, the future minimum rental income from irrevocable operating lease contracts to be received is as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
From or under 1 year	150,000,000,000	150,000,000,000
Over 1 year to 5 years	600,000,000,000	750,000,000,000
Over 5 years	-	-
Total	<u>750,000,000,000</u>	<u>900,000,000,000</u>

The total rental income recognized as revenue during the year is VND 153,000,000,000 (for the comparable period of the previous year: VND 150,000,000,000).

2. Transactions and balances with the related parties

The related parties of the Group include the key managers, their related individuals and other related parties.

2a. Transactions and balances with the key managers and their related individuals

The key managers include the members of the Board of Directors (BOD), the Board of Supervisors (BOS) and the Executive Officers (the Board of Management, the Chief Accountant). The key managers' related individuals are their close family members.

Transactions with the key managers and their related individuals

The Group has no transactions with the key managers and their related individuals in the year (in the previous year, the Group only had transactions of advance and refund of advance to/from Mr. Pham Hieu Dao – BOD Member cum Deputy Director with the amount of VND 40,000,000 and VND 40,000,000, respectively).

Receivables from and payables to the key managers and their related individuals

Receivables from and payables to the key managers and their related individuals are presented in Note V.15.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)*Compensation of the key managers*

Full name – Position	Salary	Bonus	Allowance	Total compensation
<i>Current year</i>				
Mr. Nguyen Thanh Son – Chairman (from 03 June 2024)	816,750,000	15,500,000	-	832,250,000
Mr. Nguyen Phuong Nam - Chairman (to 03 June 2024)	-	53,676,031	50,700,000	104,376,031
Mr. Ta Cao Thai - Vice Chairman	-	27,434,416	120,000,000	147,434,416
Mr. Nguyen Chau Bao - BOD Member	-	43,916,752	72,000,000	115,916,752
Ms. Nguyen Huynh Mai - BOD Member	-	43,916,752	72,000,000	115,916,752
Mr. Le Chi Dang - BOD Member cum Director	1,229,055,921	74,796,391	72,000,000	1,375,852,312
Mr. Pham Hieu Dao - BOD Member cum Deputy Director	946,066,586	74,796,391	108,000,000	1,128,862,977
Mr. Hoang Duc Thinh – BOD Member	-	22,446,340	72,000,000	94,446,340
Mr. Do Thanh Thanh - BOS Manager	-	-	60,000,000	60,000,000
Ms. Le Thi Doan Trang - BOS Member	-	-	54,000,000	54,000,000
Mr. Le Hai Nam - BOS Member	-	-	54,000,000	54,000,000
Mr. Hoang Minh Thao – Deputy Director (from 03 June 2024)	622,641,105	15,500,000	-	638,141,105
Mr. Nguyen Viet Truong – Chief Accountant	840,497,430	60,157,475	24,000,000	924,654,905
Total	4,455,011,042	432,140,548	758,700,000	5,645,851,590
<i>Previous year</i>				
Mr. Nguyen Phuong Nam - Chairman	-	51,455,325	120,000,000	171,455,325
Mr. Le Thanh Khoa – Vice Chairman (to 27 June 2023)	-	51,455,325	58,666,667	110,121,992
Mr. Ta Cao Thai - Vice Chairman (from 27 June 2023)	-	-	87,733,333	87,733,333
Mr. Hoang Duc Thinh – BOD Member (from 27 June 2023)	-	-	36,800,000	36,800,000
Mr. Nguyen Chau Bao - BOD Member	-	42,099,811	72,000,000	114,099,811
Ms. Nguyen Huynh Mai - BOD Member	-	42,099,811	72,000,000	114,099,811
Mr. Le Chi Dang - BOD Member cum Director	1,091,415,855	72,777,568	72,000,000	1,236,193,423
Mr. Pham Hieu Dao - BOD Member cum Deputy Director	834,399,231	72,777,568	108,000,000	1,015,176,799
Mr. Do Thanh Thanh – BOS Manager	-	-	60,000,000	60,000,000
Ms. Le Thi Doan Trang – BOS Member	-	-	27,600,000	27,600,000
Mr. Le Hai Nam - BOS Member	-	-	54,000,000	54,000,000
Mr. Nguyen Viet Truong – Chief Accountant	744,895,717	58,744,298	24,000,000	827,640,015
Total	2,670,710,803	391,409,706	792,800,000	3,854,920,509

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**2b. Transactions and balances with other related parties**

Other related parties of the Group include:

Name	Relationship
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	Large shareholder
Voluntary Youth Public Benefit Service Co., Ltd.	Large shareholder
Tan Cang Que Vo JSC.	Associate
Tan Cang Logistics and Stevedoring JSC.	Related party of large shareholder
Tan Cang Technical Services JSC.	Related party of large shareholder
Tan Cang Gantry JSC.	Related party of large shareholder
Tan Cang Container Services JSC.	Related party of large shareholder
Tan Cang Construction JSC.	Related party of large shareholder
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	Related party of large shareholder
Tan Cang - Tay Ninh JSC.	Related party of large shareholder
Tan Cang Warehousing JSC.	Related party of large shareholder
Cat Lai Logistics JSC.	Related party of large shareholder
North Newport Logistics JSC.	Related party of large shareholder
Tan Cang Song Than ICD JSC.	Related party of large shareholder
Tan Cang Hong Ngoc Phu Quoc Investment Logistics JSC.	Related party of large shareholder
Dong Nai Newport Logistics JSC.	Related party of large shareholder

Transactions with other related parties

Apart from transactions as presented in Note VI.1b, the Group also has other transactions with other related parties as follows:

	Current year	Previous year
Dividends payable to related parties:		
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	22,662,042,000	32,075,505,600
Tan Cang Logistics and Stevedoring JSC.	3,217,500,000	4,554,000,000
Voluntary Youth Public Benefit Service Co., Ltd.	19,496,750,000	27,595,400,000
Purchasing merchandise and using services of related parties:		
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	219,664,768	111,396,713
Tan Cang Construction JSC.	11,126,029,093	2,902,465,116
Tan Cang Technical Services JSC.	3,124,547,523	21,509,543,153
Tan Cang Container Services JSC.	74,390,000	219,861,616
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	42,593,000	175,290,000
Tan Cang - Tay Ninh JSC.	46,574,074	21,881,818
Tan Cang Warehousing JSC.	9,685,185	81,843,181
Cat Lai Logistics JSC.	27,687,963	249,533,334
North Newport Logistics JSC.	-	247,400,000
Tan Cang Song Than ICD JSC.	13,500,000	-
Tan Cang Hong Ngoc Phu Quoc Investment Logistics JSC.	43,041,291,036	43,980,010,886
Dong Nai Newport Logistics JSC.	114,400,000	146,318,180

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)*Receivables from and payables to other related parties*

Receivables from and payables to other related parties are presented in Notes V.3, V.4, V.5a, V.12, V.14 and V.15.

Receivables from other related parties are unsecured and will be paid in cash. No allowance has been made for the receivables from other related parties.

3. Segment information

The primary reporting format is the business segments since risks and profitability of the Group are substantially affected by differences on its products and services provided by the Group.

3a. Information on business segments

The Group has main business segments as follows:

- Seaport leasing and support service segment; and
- Transport service segment.

Information on business results, fixed assets, other long-term assets and value of significant non-cash expenses of business segments of the Group is as follows:

	Seaport leasing and support service segment	Transport service segment	Total
Current year			
Net external revenue	190,824,857,877	131,763,841,394	322,588,699,271
Net inter-segment revenue	-	-	-
Total net revenue	190,824,857,877	131,763,841,394	322,588,699,271
Segment operating profit	132,806,203,233	6,688,396,085	139,494,599,318
Expenses not attributable to segments			(33,143,311,163)
Operating profit			106,352,328,155
Profit/ (loss) in joint ventures, associates			6,204,984,752
Financial income			9,178,573,410
Financial expenses			(35,965,293)
Other income			4,272,752,343
Other expenses			(1,810,018,939)
Current income tax			(24,973,155,123)
Deferred income tax			-
Profit after tax			99,155,142,068
Total expenses for acquisition of fixed assets and other non-current assets	17,565,833,319	9,526,700,442	27,092,533,761
Total depreciation/ amortization and allocation of long-term prepaid expenses	20,367,117,476	13,111,116,227	33,478,233,703

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

	Seaport leasing and support service segment	Transport service segment	Total
Previous year			
Net external revenue	186,647,257,699	119,643,811,381	306,291,069,080
Net inter-segment revenue	-	-	-
Total net revenue	186,647,257,699	119,643,811,381	306,291,069,080
Segment operating profit	124,615,442,598	5,528,509,757	130,143,952,355
Expenses not attributable to segments			(26,570,041,514)
Operating profit			103,573,910,842
Profit/ (loss) in joint ventures, associates			6,013,554,495
Financial income			10,184,298,369
Financial expenses			(1,637,360,822)
Other income			3,366,466,379
Other expenses			(262,313,728)
Current income tax			(22,738,267,784)
Deferred income tax			-
Profit after tax			98,500,287,751
Total expenses for acquisition of fixed assets and other non-current assets	5,442,916,457	-	5,442,916,457
Total depreciation/ amortization and allocation of long-term prepaid expenses	28,171,229,828	7,473,987,870	35,645,217,698
The Group's assets and liabilities by business segments are as follows:			
	Seaport leasing and support service segment	Transport service segment	Total
Ending balance			
Segment assets	606,362,586,666	75,348,377,005	681,710,963,671
Allocated assets	-	-	-
Unallocated assets			-
Total assets			681,710,963,671
Segment liabilities	24,939,698,739	33,150,449,277	58,090,148,016
Allocated liabilities	-	-	-
Unallocated liabilities			-
Total liabilities			58,090,148,016

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

	Seaport leasing and support service segment	Transport service segment	Total
Beginning balance	156,426,543,565	60,276,609,807	216,703,153,372
Segment assets	-	-	-
Allocated assets			458,398,839,152
Unallocated assets			675,101,992,524
Total assets			216,703,153,372
Segment liabilities	5,797,989,293	31,565,189,264	37,363,178,557
Allocated liabilities			-
Unallocated liabilities			19,007,543,683
Total liabilities			56,370,722,240

3b. Information on geographical segments

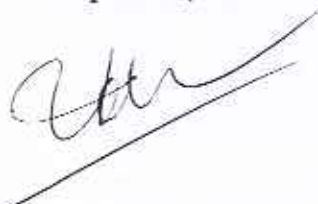
The Group's operations mainly take place in domestic area.

4. Subsequent events

There have been no material events after the balance sheet date, which require to make adjustments on the figures or to be disclosed in the Consolidated Financial Statements.

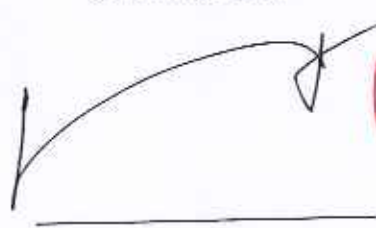
Prepared on 19 February 2025

Prepared by



Vo Thai Hau

Chief Accountant



Nguyen Viet Trung

Director



Le Chi Dang